

Bản án số: 17/2020/HS-PT
Ngày 04-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết
Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ.
Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sáu -Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2019/TLPT-HS ngày 24-12-2019 đối với bị cáo Trần Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST, ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn M; Sinh năm 1973, tại K-Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông Trần Văn M (c) và bà Lê Thị T (s); Có vợ là Nguyễn Thị D (hiện đã ly hôn) và 02 người con; Có 01 tiền án: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2008/HSPT, ngày 12-3-2008 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Trần Văn M bị xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 30-01-2014 nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ dân sự và đóng tiền án phí; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Năm 1994, bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử và xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (đã được xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 04-9-2019 và chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Huỳnh Thị Anh T, Huỳnh Văn V và những người làm chứng trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 04-9-2019, Trần Văn M đi bộ theo tuyến lộ đèo từ hướng cầu M thuộc ấp A, thị trấn A về hướng xã X tìm nhà nào sơ hở để lấy trộm tài sản. Khi đến trước nhà của anh Huỳnh Văn V bị cáo M đi cặp bên hông nhà ra phía sau, thấy cửa sau nhà ông V không khóa nên M mở cửa đi vào nhà, thấy một cái điện thoại di động loại bàn phím để trên cái cân gần cửa, M dùng tay lấy để vào trong áo. Sau đó M tiếp tục đi lên nhà trên đến cạnh mùng của bà Huỳnh Thị Anh T (con của ông V) đang ngủ thấy 02 cái điện thoại di động loại cảm ứng nên M đi lại dùng tay dỡ mùng lên và lấy 02 cái điện thoại di động (01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Core Prime màu trắng) cầm trên tay phải rồi đi ra lộ đèo tiếp tục đi về hướng xã X. Khi đi được một đoạn khoảng 100m, M lấy điện thoại di động vừa trộm được ra xem, thấy điện thoại di động loại bàn phím có giá trị thấp nên M vứt bỏ xuống sông. Sau đó, bị cáo M dùng cộng lá dừa tháo sim điện thoại Samsung Galaxy J7 Plus màu vàng vứt xuống sông và tắt nguồn điện thoại Samsung Core Prime màu trắng. M tiếp tục đi về hướng xã X để tìm nhà khác lấy trộm. Khi đến nhà của ông Đinh Văn H, thấy cửa sau nhà ông H không đóng, M đi vào nhà tìm tài sản để lấy trộm nhưng bị ông H phát hiện nên cùng với ông Đinh Công N và Đinh Công L khống chế giữ M lại rồi điện báo Công an xã X. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/BB ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận:

1. Một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Plus màu vàng mua tháng 09/2018 có giá: 5.990.000 đồng x 80% = 4.792.000 đồng.
2. Một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Core Prime màu trắng mua năm 2015 có giá: 1.990.000 đồng x 40% = 796.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: là 5.588.000 đồng.

Riêng đối với điện thoại di động loại bàn phím mà bị cáo M đã lấy trộm của ông V và ném xuống sông, Cơ quan điều tra có tổ chức tìm kiếm nhưng tìm không được. Bị hại V và bị cáo M đều không rõ nhãn hiệu, số loại nên không có cơ sở định giá tài sản. Tại phiên tòa, bị hại Vinh cho rằng điện thoại của ông đã không còn giá trị.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2019/HS-ST, ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); phạt bị cáo Trần Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-9-2019.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 28-11-2019, bị cáo Trần Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn M lập và được Cơ quan thi hành án hình sự- Công an huyện K xác nhận vào ngày 28-11-2019. Xét đơn kháng cáo của bị cáo là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn M như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận, vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 04-9-2019, tại khu vực ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 cái điện thoại di động loại bàn phím (không rõ nhãn hiệu) của bị hại Huỳnh Văn V; và lấy 02 cái điện thoại di động gồm: 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Plus màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy Core Prime màu trắng của bị hại Huỳnh Thị Anh T. Sau khi lấy trộm, bị cáo vứt bỏ điện thoại di động bàn phím (do không có giá trị). Qua kết quả định giá tài sản đã xác định được 02 điện thoại di động bị cáo lấy trộm của bị hại Huỳnh Thị Anh T có tổng giá trị là 5.588.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử và xử phạt bị cáo về tội danh, khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam giữ” nên khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định và áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Xét lý do xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo như: hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với lý do bị cáo cho rằng bị cáo đã khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra thì thấy bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị cáo có khắc phục hậu quả, trong khi tại giai đoạn sơ thẩm các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường do tài sản đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho bị hại. Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới hoặc các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm áp dụng không đúng đối với bị cáo. Xét về mức hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, tương xứng hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST, ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-9-2019.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện K (02);
- VKSND huyện K (01);
- CQĐT - Công an huyện K (01);
- CQTHAHS-Công an Kế sách (01);
- Chi cục THADS huyện K (01);
- Bị cáo (01).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thái Rết